TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:131/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22-12-2023
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Công

2. Bà Trần Ngọc Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1064/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Hữu V, sinh năm 1988; địa chỉ: số 77/1 khu phố H, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Bị đơn: Bà Trần Thị V, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 55/1/14 khu phố Đ 3, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Hữu V trình bày:

Ông Lê Hữu V và bà Trần Thị V tự tìm hiểu và chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn số 15 cấp ngày 29/01/2019.

Sau khi kết hôn ông V và bà V về Vũng Tàu sinh sống và làm ăn, sau đó, vợ chồng vào Bình Dương sinh sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Thời gian gần đây vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu lẫn nhau, ông V đã sống ly thân bà V cách nay đã hơn 06 tháng, ông V về lại Vũng Tàu làm ăn sinh sống độc

lập, không còn qua lại, quan tâm đến cuộc sống của bà V. Vợ chồng mạnh ai người đó có cuộc sống riêng. Nay ông V xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Trần Thị V.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị V trình bày: Bà thống nhất lời trình bày của ông V về thời gian kết hôn, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thắng Nhì, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào năm 2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng về Vũng Tàu làm ăn, cả 02 cùng ở trọ nhưng vợ chồng vẫn hạnh phúc. Khoảng 06 tháng nay thì vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau, vợ chồng đã ly thân, không ai nói chuyện cùng ai, ông V bỏ bà về Vũng Tàu và cắt mọi liên lạc cùng bà, đã có lần bà V về Vũng Tàu để vợ chồng hàn gắn nhưng ông V không tạo cơ hội cho bà hàn gắn. Nay ông V có đơn ly hôn, bà V không đồng ý ly hôn vì bà cho rằng lỗi của bà nhưng bà không cam tâm để ly hôn cùng ông V, vợ chồng cần đồng cam cộng khổ để vượt qua khó khăn làm lại từ đầu.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Bà V không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn không đồng ý ly hôn, bị đơn mong muốn vợ chồng đoàn tụ để làm lại từ đầu.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Về phần thủ tục Kiểm sát viên không có kiến nghị khắc phục gì thêm.

Về việc giải quyết vụ án: Do vợ chồng đã ly thân, ông V cương quyết ly hôn, bà V không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, cần thiết cho ông V ly hôn theo yêu cầu của ông V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ông Lê Hữu V và bà Trần Thị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân dân phường Thắng Nhì, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn số 15, cấp ngày 29/01/2019. Nay ông V có đơn xin ly hôn với bà V, giữa ông V và bà V không có con chung. Như vậy, quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Trần Thị V có hộ khẩu thường trú tại phường B, thành phố T. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1

Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

[2] Các vấn đề có tranh chấp: Ông V có đơn khởi kiện xin ly hôn cùng bà V. Bà V không đồng ý ly hôn và có nguyện vọng được đoàn tụ. Xét, ông V và bà V là vợ chồng, sống chung có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thắng Nhì, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Ông V cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bà V không thật tình, có sự giấu giếm về tài chính, gây nợ nần nhưng không rõ lý do, ông V đã tạo cơ hội nhưng bà V không khắc phục. Vì vậy, vợ chồng đã ly thân cách nay 06 tháng, ông V đã về lại Vũng Tàu sinh sống. Bà V xác định bà là người có lỗi trong vấn đề tài chính, bà có nguyện vọng được đoàn tụ để vợ chồng cùng đồng cam cộng khổ làm lại từ đầu. Xét thấy, quan hệ hôn nhân dựa trên sự yêu thương, tôn trọng, chia sẽ và chăm sóc lẫn nhau. Ông V xác định không còn tình cảm cùng bà V, bà V mong muốn hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ nhưng bà V không có phương án nào để hàn gắn, ông V cương quyết ly hôn và trên thực tế ông V đã tạo cơ hội nhưng bà V không sửa chữa và vợ chồng đã ly thân cách nay 06 tháng, không còn quan tâm lẫn nhau, ông V chủ động cắt mọi liên lạc cùng bà V, không đồng ý hàn gắn. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của ông V về việc ly hôn với bà V là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

Từ phân tích trên, xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Tòa chấp nhận.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Lê Hữu V phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hữu V về việc "ly hôn" đối với bị đơn bà Trần Thị V.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Hữu V được ly hôn với bà Trần Thị V.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình: Ông Lê Hữu V phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0013272 ngày 23/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thuận An;
- CC THADS TP. Thuận An;
- Các đương sự;
- UBND phường T, Tp V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thu Thảo